

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/DS-PT

Ngày 10 - 01 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản và đòi lại tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Linh

Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Kép – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**
Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 189/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 169/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Anh T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp Đ, xã V, huyện H, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền theo của Chị Trần Anh T: Anh Dương Phúc Ng, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp Trương H, xã T, huyện T, tỉnh S

- **Bị đơn:** Anh Vưu Tấn B, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 25 Lô B, đường Hòa Bình, Khóm 1, Phường 3, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Vưu Tấn B: Anh Vưu Tấn Th, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 25 Lô B, đường Hòa Bình, Khóm 1, Phường 3, thành phố B, tỉnh B.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Trần Huỳnh N, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp Đồng Lớn II, xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ liên hệ: Ấp Phước Thạnh 1, xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà Trịnh Hồng A, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số 25 Lô B, đường Hòa Bình, Khóm 1, Phường 3, thành phố B, tỉnh B.

- *Người kháng cáo:* Anh Vưu Tấn B là bị đơn.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Chị Trần Anh T và người đại diện theo ủy quyền của chị T trình bày: Năm 2023, chị T có cho anh Vưu Tấn B vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng (từ ngày 21/3/2023 đến ngày 21/6/2023), mục đích là để anh B kinh doanh nhận cầm cố đất, lãi suất thỏa thuận 2,5%/tháng. Do hai bên tin tưởng nhau nên không có lập hợp đồng nhưng hai bên có giao dịch chuyển khoản và nhận tiền mặt, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Ngày 23/2/2023, chị T nhờ em gái là Trần Huỳnh N chuyển cho anh B số tiền 100.000.000 đồng. Có sao kê từ tài khoản của chị Trần Huỳnh N tại Ngân hàng TMCP Phương Đông đến tài khoản số 0891000623252 của anh Vưu Tấn B tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương.

+ Lần 2: Ngày 20/3/2023, anh B kêu chuyển vào tài của bà Trịnh Hồng A là mẹ của anh B số tiền 135.000.000 đồng. Có sao kê tài khoản của bà hư tại Ngân hàng TMCP Phương Đông đến tài khoản số 0949350300 của bà Trịnh Hồng A tại Ngân hàng TMCP Phương Đông. Cùng ngày, chị T có đưa tiền mặt cho anh B số tiền 115.000.000 đồng tại nhà của chị T.

+ Lần 3: Ngày 21/3/2023, anh B kêu chuyển vào tài của bà Trịnh Hồng A là mẹ của anh B số tiền 50.000.000 đồng. Có sao kê tài khoản của Chị Trần Anh T tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đến tài khoản số 0949350300 của bà Trịnh Hồng A tại Ngân hàng TMCP Phương Đông.

Sau đó, anh B đã chuyển tiền cho Trần Huỳnh N là em gái của Chị Trần Anh T để đóng tiền lãi 2 tháng, cụ thể như sau:

+ Ngày 21/3/2023 số tiền 7.500.000 đồng

+ Ngày 21/4/2023 số tiền 5.000.000 đồng

+ Ngày 08/5/2023 số tiền 5.000.000 đồng.

Từ ngày 21/5/2023 đến nay, anh B không đóng tiền lãi, không trả nợ gốc khi đến ngày thỏa thuận trả nợ vay ngày 21/6/2023. Nay chị T yêu cầu anh B trả số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 21/5/2023 đến ngày xét xử với mức lãi suất 20%/năm. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu khởi kiện theo lãi suất 1,66%/tháng, nay nguyên đơn rút lại chỉ yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0,83%/tháng.

Bị đơn anh Vưu Tấn B và người đại diện theo ủy quyền của anh B trình bày: Ngày 24/10/2022, anh B có vay của chị T số tiền vốn 400.000.000 đồng

nhưng anh đã thanh toán xong vào tháng 01/2023. Theo yêu cầu khởi kiện của chị T thì anh B có ý kiến: Đối với số tiền 100.000.000 đồng ngày 23/02/2023, chị Trần Huỳnh N chuyển vào tài khoản của anh B là để anh B rút ra đặt tiền đám hỏi giữa anh B với chị N vào ngày 25/02/2023; Đối với 02 khoản tiền vào các ngày 20 và 21/3/2023, chị T đã chuyển tiền vào tài khoản của bà Trịnh Hồng A là mẹ của anh B với tổng số tiền 185.000.000 đồng, bà Hồng A xác định có mượn Thư số tiền này nên anh B là con có nghĩa vụ giúp mẹ trả khoản tiền này nên anh B đồng ý trả cho chị T thay cho bà Hồng A; Đối với khoản tiền 115.000.000 đồng, chị T xác định có giao bằng tiền mặt tại nhà chị T là không có, anh B chỉ nhận từ chị N đưa tại nhà của chị T. Anh B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T do không có nhận tiền từ chị T nên không đồng ý trả.

Đồng thời, anh B yêu cầu phản tố đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Huỳnh N như sau: Trong thời gian từ ngày 24/10/2022 đến ngày 18/5/2023 anh B đã chuyển tiền nhiều lần từ tài khoản của anh B mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam đến tài khoản của chị Trần Huỳnh N mở tại Ngân hàng TMCP Phương Đông với tổng số tiền 1.600.850.000 đồng và chị N đã chuyển lại vào tài khoản của anh B số tiền 715.000.000 đồng, sau khi đối trừ số tiền chị N còn giữ lại chưa trả cho anh B là 485.850.000 đồng. Yêu cầu chị N trả số tiền số tiền 485.850.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 19/5/2023 đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm. Đối với số tiền chênh lệch 400.000.0000 đồng anh B sẽ yêu cầu khởi kiện chị N ở một vụ án khác. Tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn anh Vu Tấn B rút lại một phần yêu cầu phản tố đối với số tiền 28.500.000 đồng, yêu cầu chị N trả số tiền 457.350.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 19/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Huỳnh N trình bày: Anh Vu Tấn B và chị Trần Huỳnh N tự nguyện tìm hiểu, quen biết và có tình cảm trai gái, chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn nhưng được sự thống nhất của hai bên gia đình, tổ chức đám hỏi ngày 25/02/2023 và tổ chức đám cưới ngày 15/3/2023 theo phong tục tập quán. Hai người chung sống đến ngày 01/7/2023 thì không còn chung sống với nhau. Trong thời gian anh B, chị N chung sống thì chị N có thai và đến ngày 13/8/2023 chị N sinh cháu Trần Huỳnh Khánh Ng.

Căn cứ vào các bản sao kê tài khoản của anh B cung cấp thì thực tế trong thời gian anh B và chị N chung sống với nhau như vợ chồng thì giữa hai người có nhiều lần chuyển tiền qua lại với nhau, các lần chuyển tiền đều không ghi cụ thể nội dung chuyển tiền để làm gì. Nay anh B có liệt kê tổng số tiền anh B đã chuyển nhưng chị N chưa chuyển trả lại trả cho anh B là 457.350.000 đồng và yêu cầu trả gốc và lãi của số tiền này thì chị N không đồng ý. Lý do, trong tất cả những lần chuyển tiền anh B đã nhắn tin cho chị N rút tiền mặt đưa lại cho anh B, mục đích rút tiền mặt để đặt cọc mua đất, hùn vốn, cầm cố đất. Ngoài ra trong quá trình chung sống với anh B, chị N rất nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của ông Vu Tấn Th và bà Trịnh Hồng A là mẹ và anh trai anh Vu Tấn B nhưng chị N chưa yêu cầu trả lại trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Hồng A trình bày: Các ngày 20 – 21/3/2023, do cần tiền lo chi phí đám cưới cho con là anh Vu Tấn B nên bà Hồng A có mượn chị T số tiền 185.000.000 đồng. Chị T đã chuyển tiền vào tài khoản của bà Trịnh Hồng A với số tiền 185.000.000 đồng, bà Hồng A thống nhất có nợ chị T nhưng hiện nay bà chưa có khả năng thanh toán được nên nhờ anh Vu Tấn B (con trai bà) thanh toán giùm số tiền này cho chị T.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T đối với anh Vu Tấn B.

Buộc anh Vu Tấn B trả cho Chị Trần Anh T số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/5/2023 đến ngày 12/8/2024 là 48.804.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Vu Tấn B đối với chị Trần Huỳnh N về việc yêu cầu chị N trả số tiền gốc là 457.350.000 đồng, lãi là 56.054.340 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của anh B yêu cầu chị N trả số tiền nợ gốc 28.500.000 đồng và tiền lãi từ ngày từ ngày 19/5/2023 đến ngày xét xử (12/8/2024) với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí có giá ngạch, lãi phát sinh giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, bị đơn anh Vu Tấn B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Vu Tấn B, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Anh T.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu kháng nghị đề nghị sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm dân sự số 66/2024/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo hướng căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Anh T đối với tiền lãi của số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng tính từ ngày 21/5/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 12/8/2024) với mức lãi suất 0,83%/tháng và áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để sửa một phần Bản án sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn do người đại diện theo uỷ quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị.

Bị đơn anh Vu Tấn B và người đại diện theo uỷ quyền trình bày tại phiên tòa: Đối với khoản tiền 185.000.000 đồng chị T chuyển vào tài khoản của bà Trịnh Hồng A là mẹ anh B thì anh B thừa nhận chính anh B đã hỏi vay chị T dùm cho mẹ anh B. Lý do: mẹ anh B không tự hỏi vay chị T được nên nhờ anh B hỏi vay tiền chị T, chị T đồng ý cho vay và chuyển tiền vào tài khoản của mẹ anh B. Người vay là bà Hồng A nên bà Hồng A phải có trách nhiệm trả tiền nợ

cho chị T, anh B không đồng ý trả tiền nợ thay cho bà Hồng Như như bản án sơ thẩm đã nhận định. Đối với khoản tiền 115.000.000 đồng thì anh B xác định: anh B nhận tiền tại nhà chị T là anh B nhận trực tiếp từ chị N, không nhận từ chị T nên không đồng ý trả tiền cho chị T theo yêu cầu. Về nhân chứng tên Duyên do chị T cung cấp thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính khách quan và không chấp nhận về lời khai của chị Duyên do giữa chị Duyên và chị T, chị N có mối quan hệ thân tộc (chị Duyên là chị dâu của chị T, chị N).

Chị T trình bày: Thời điểm chị Duyên thấy chị T đưa tiền cho anh B là chưa có mối quan hệ thân tộc, chị Duyên và anh của chị T chưa tổ chức lễ cưới, hình ảnh đám cưới do anh B cung cấp đã thể hiện rõ nên anh B yêu cầu không chấp nhận lời khai của chị Duyên là không phù hợp.

Bà Hồng A trình bày: Bà thừa nhận sự việc bà nhờ anh B hỏi vay tiền chị T để lo cho đám hỏi của chị N, anh B. Chị T đã chuyển tiền cho bà nên bà đồng ý trả tiền cho chị T, bà không yêu cầu anh B trả tiền chị T thay cho bà như cấp sơ thẩm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Vưu Tấn B; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu; sửa một phần bản án sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, theo hướng căn cứ thêm Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự vào phần áp dụng pháp luật và đình chỉ đối với phần lãi suất chị T đã rút yêu cầu. Án phí phúc thẩm: anh B phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn anh Vưu Tấn B nộp trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu ban hành trong hạn luật định. Căn cứ vào các Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Xét kháng cáo của bị đơn anh Vưu Tấn B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phần tố của anh Vưu Tấn B, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Anh T, nhận thấy:*

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Trần Anh T yêu cầu bị đơn anh Vu Tấn B trả số tiền nợ vay 400.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 21/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/8/2024).

[2.1.1] Theo nguyên đơn là chị T xác định: Năm 2023, chị có cho anh Vu Tấn B vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng (từ ngày 21/3/2023 đến ngày 21/6/2023), mục đích vay để anh B kinh doanh nhận cầm cố đất, lãi suất thỏa thuận 2,5%/tháng. Việc vay tiền do hai bên tin tưởng nhau nên không có lập hợp đồng nhưng hai bên có giao dịch chuyển khoản và nhận tiền mặt, cụ thể các lần: *Lần 1*: Ngày 23/2/2023 chị T nhờ em gái tên Trần Huỳnh N chuyển cho Bình số tiền 100.000.000 đồng (Như đang sống chung với anh B); *Lần 2*: Ngày 20/3/2023, anh B kêu chuyển vào tài của bà Trịnh Hồng A là mẹ của anh B số tiền 135.000.000 đồng và cùng ngày chị T có đưa tiền mặt trực tiếp cho Bình số tiền 115.000.000 đồng tại nhà của chị T; *Lần 3*: Ngày 21/3/2023 Bình kêu chuyển vào tài khoản của bà Trịnh Hồng A là mẹ của anh B số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền anh B vay là 400.000.000 đồng. Anh B đóng lãi được 2 tháng bằng hình thức chuyển tiền qua tài khoản của chị Trần Huỳnh N, cụ thể: Ngày 21/3/2023 chuyển số tiền 7.500.000 đồng; Ngày 21/4/2023 số tiền 5.000.000 đồng; Ngày 08/5/2023 số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó, từ ngày 21/5/2023 đến nay, anh B không đóng tiền lãi và không trả nợ gốc. Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn Chị Trần Anh T là sao kê tài khoản của chị T chuyển tiền cho bà Trịnh Hồng A tổng số tiền 185.000.000 đồng; sao kê tài khoản của chị T chuyển tiền cho chị Trần Huỳnh N số tiền 100.000.000 đồng; lời khai của người chứng kiến tên Duyên trực tiếp thấy chị T giao tiền mặt cho anh B tại nhà chị T; đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa chị T và anh B về số tiền nợ do chị T ghi âm lại và các đoạn tin nhắn zalo giữa chị T và anh B; tin nhắn giữa chị N và anh B.

[2.1.2] Bị đơn anh Vu Tấn B thừa nhận: trước đây vào ngày 24/10/2022, anh có vay tiền của chị T số tiền 400.000.000 đồng và anh đã thanh toán xong vào tháng 01/2023. Đối với các khoản tiền như chị T trình bày tại đơn khởi kiện thì anh B không thừa nhận và có ý kiến như sau: Số tiền 100.000.000 đồng ngày 23/02/2023 do chị Trần Huỳnh N chuyển vào tài khoản của anh B là để anh B rút ra đặt tiền đảm bảo giữa anh B với chị N sẽ diễn ra vào ngày 25/02/2023; số tiền mặt 115.000.000 đồng ngày 21/3/2023, anh B không nhận từ Chị Trần Anh T mà nhận từ chị Trần Huỳnh N tại nhà chị T. Do đó, anh không có nợ tiền gì chị T nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị T. Đối với 02 khoản tiền vào các ngày 20 và ngày 21/3/2023, chị T đã chuyển tiền vào tài khoản của bà Trịnh Hồng A là do anh hỏi vay dùm mẹ của anh, mẹ của anh nợ tiền chị T thì có nghĩa vụ trả cho chị T nên anh không đồng ý trả cho chị T theo yêu cầu khởi kiện.

[2.1.3] Xét thấy, đối với số tiền 185.000.000 đồng từ tài khoản chị T chuyển cho bà Hồng A vào ngày 20 và 21/3/2023 cho thấy: bà Trịnh Hồng A là mẹ của anh B thừa nhận có nhờ anh B hỏi vay tiền của chị T để lo cho đám hỏi của anh B, chị N và bà Hồng A đã nhận tiền do chị T chuyển vào tài khoản của bà. Còn anh B thì thừa nhận có hỏi chị T vay tiền của chị T cho mẹ của anh là bà

Hồng A vay. Nhận thấy, sự thừa nhận của bà Hồng A và anh B phù hợp với lời trình bày của chị T về người hỏi vay tiền của chị T là anh B, chị T đã chuyển khoản số tiền anh B hỏi vay cho người nhận là bà Hồng A theo yêu cầu của anh B. Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu anh B trả số tiền mà anh B hỏi vay chị T cùng với lãi phát sinh và được cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp. Còn giao dịch giữa bà Hồng A và anh B, chị N là giao dịch khác, trường hợp phát sinh tranh chấp và cần thiết thì có thể khởi kiện thành một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[2.1.4] Đối với số tiền 115.000.000 đồng: chị T cho rằng đưa trực tiếp cho anh B tại nhà của chị T; anh B không thừa nhận nhưng tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm anh B thừa nhận có nhận số tiền 115.000.000 đồng nhưng không nhận từ chị T mà nhận tiền từ chị N tại nhà của chị T và yêu cầu xem xét lời khai của người chứng kiến tên Duyên; chị N xác định, số tiền 115.000.000 đồng là của chị T đưa chị N đếm lại, chị N chỉ là người đưa tiền thay cho chị T, lúc đó cũng có mặt chị T tại nhà của chị T. Như vậy, anh B đã xác nhận sự việc nhận số tiền 115.000.000 đồng tại nhà chị T là phù hợp với lời khai của chị T, chị N. Do đó, cấp sơ thẩm buộc anh B có nghĩa vụ trả cho chị T là phù hợp.

[2.1.5] Đối với số tiền 100.000.000 đồng: chị T chuyển khoản cho chị N để chị N đưa cho anh B thì chị T xác định đó là tiền của chị T chuyển cho anh B vay, không phải tiền của chị N nên việc anh B xác định rút số tiền này ra đặt tiền đảm hỏi giữa 02 người vào ngày 25/02/2023 là không có. Chị T đã cung cấp các tin nhắn zalo giữa chị T với anh B cho thấy: *“tại tin nhắn zalo lúc 10:58 ngày 24/3/2023 có nội dung “4 trăm 1 trăm cho mượn ko, còn 3 trăm lấy 5 triệu mỗi tháng cho mẹ đi chợ thui, còn lại cho vịt bầu uống sữa nhe Tấn Bình mặt bành hihi” và anh B trả lời “đưa nó hết rồi chị ơi, Uh nó giữ hết rồi”*. Như vậy, anh B xác định tin nhắn này anh B đã đưa hết 400.000.000 đồng mà chị T xác định cho vay 400.000.000 đồng, tính lãi 300.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng không tính lãi và anh B đã xác nhận là đã đưa cho chị N hết rồi. Đồng thời, qua kiểm tra sao kê tài khoản của anh B và tài khoản của chị N tại Ngân hàng do cả hai bên cung cấp thể hiện: thời gian từ ngày 20/3 đến 24/3/2023, anh B không có chuyển khoản số tiền nào là 400.000.000 đồng cho chị N như anh B nói. Nhưng từ sao kê tài khoản của anh B, chị N cho thấy: ngày 21/3/2023, anh B chuyển cho chị N số tiền 7.500.000 đồng và tại tin nhắn zalo giữa anh B và chị N lúc 15:15 ngày 21/3/2023 thể hiện: *“Lãi 300 nha”* (bút lục số 188). Như vậy, căn cứ vào nội dung tin nhắn trên đã được anh B thừa nhận thì có căn cứ xác định anh B có vay tiền của chị T số tiền 400.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất 400.000.000 đồng tiền lãi là 10.000.000 đồng/tháng tức là lãi suất 2,5%/tháng như chị T trình bày là phù hợp. Như vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận khởi kiện của chị T và buộc anh B có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc vay 400.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 21/5/2023 đến ngày xét xử (12/8/2024) với lãi suất 10%/năm với số tiền là: $400.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 14 \text{ tháng} = 48.804.000 \text{ đồng}$ là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của anh B, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của anh B đối với chị Trần Huỳnh N, nhận thấy:

[3.1] Theo đơn khởi kiện phản tố, anh B yêu cầu chị N trả số tiền 457.350.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 19/5/2023 đến ngày xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng. Theo anh B trình bày trong thời gian từ ngày 24/10/2022 đến ngày 18/5/2023, anh B đã chuyển tiền nhiều lần từ tài khoản của anh B mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam đến tài khoản của chị Trần Huỳnh N mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông với tổng số tiền 1.600.850.000 đồng và chị N đã chuyển lại vào tài khoản của anh B số tiền 715.000.000 đồng và sau khi đối trừ số tiền chị N còn giữ lại chưa trả cho anh B là 485.850.000 đồng, nhưng anh B chỉ yêu cầu chị N trả số tiền 457.350.000 đồng và lãi phát sinh là 56.054.340 đồng. Đối với số tiền chênh lệch 400.000.000 đồng, anh B sẽ yêu cầu khởi kiện chị N ở một vụ án khác.

[3.2] Xét thấy, anh B và chị N có quan hệ tình cảm, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn nhưng tổ chức đám hỏi ngày 25/02/2023 và tổ chức đám cưới ngày 15/3/2023 theo phong tục tập quán, hai người chung sống đến ngày 01/7/2023 thì không còn chung sống với nhau.

Căn cứ vào các bản sao kê tài khoản của anh B và chị N thì thực tế trong thời gian anh B và chị N chung sống với nhau như vợ chồng thì giữa hai người có nhiều lần chuyển tiền qua lại với nhau và các lần chuyển tiền đều không ghi cụ thể nội dung chuyển tiền để làm gì. Phía chị N không đồng ý và cho rằng anh B chuyển tiền để nhờ rút tiền mặt do chị N làm việc tại Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông; thời gian chuyển tiền là 2 người đang chung sống với nhau và chị N đang mang thai nên anh B chuyển tiền để chị sử dụng, tiêu xài, không có sự việc anh B nhờ chị giữ tiền dùm nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của anh B. Đối chiếu các số tiền theo liệt kê của anh B chuyển khoản cho chị N với bảng sao kê tài khoản của anh B tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam đều cho thấy: các lần chuyển tiền đều không thể hiện nội dung anh B chuyển tiền cho chị N để làm gì, nhưng qua các tin nhắn zalo trò chuyện giữa anh B với chị N thì có nhiều lần anh B chuyển tiền nhờ chị N rút tiền mặt, trả tiền lãi và thực tế thời điểm này hai người đang sống chung như vợ chồng và chị N đang mang thai nên việc anh B chuyển tiền cho chị N để tiêu dùng như chị N trình bày là phù hợp. Ngoài ra, qua kiểm tra các tin nhắn zalo do chị N cung cấp đều không thể hiện nội dung anh B chuyển tiền nhờ chị N giữ dùm. Trong quá trình anh B và chị N không còn sống chung anh B nhiều lần khởi kiện đòi lại số vàng và tài sản cho trong ngày cưới nhưng không đề cập đòi lại khoản tiền này, trước khi Tòa án thụ lý vụ án anh B không yêu cầu chị N trả lại tiền “nhờ giữ giùm” nên lời trình bày của anh B cho rằng mục đích chuyển tiền cho chị N để nhờ giữ dùm là không có căn cứ nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh B là có căn cứ. Bị đơn anh B kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] *Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu về việc yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án theo hướng áp dụng Điều 244 BLTTDS để tuyên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thư đối với số tiền lãi của số tiền 400.000.000đ (tính từ ngày 21/5/2023- 12/8/2024) với mức lãi suất 0,83%/tháng, nhận thấy:*

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, chị T yêu cầu anh B trả 400.000.000 đồng cùng tiền lãi từ 21/5/2023 đến ngày xét xử với mức lãi suất 20%/năm. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, theo đó nguyên đơn không yêu cầu anh B trả lãi phát sinh theo mức lãi 20%/năm mà chỉ yêu cầu mức lãi suất 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng với số tiền 48.804.000 đồng. Tại bản án sơ thẩm và biên bản phiên tòa cấp sơ thẩm thể hiện: nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất nhưng sau đó lại ghi nhận nguyên đơn rút một phần khởi kiện về mức lãi suất từ 20%/năm xuống còn 10%/năm. Nhận thấy, việc cấp sơ thẩm ghi định nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất từ 20%/năm xuống còn 10%/năm là chưa phù hợp trong nhận định. Ý kiến của nguyên đơn về việc thay đổi mức lãi suất chỉ là thay đổi yêu cầu khởi kiện nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên cấp sơ thẩm ghi nhận sự thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và đã xem xét, giải quyết nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đã thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 244 tại phần quyết định về áp dụng điều luật đối với rút một phần phần tố của bị đơn là thiếu sót nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về vấn đề này. Mặt khác, việc không áp dụng điều luật không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của đương sự và không ai kháng cáo về nội dung này nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu yêu cầu sửa bản sơ thẩm do không viện dẫn điều luật áp dụng là Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu và cũng không tuyên đình chỉ đối với phần lãi suất chị T đã rút là không cần thiết, không ảnh hưởng đến đường lối giải quyết vụ án nên không được chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Vưu Tấn B; kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu chưa phù hợp nên không chấp nhận; chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Vưu Tấn B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Vưu Tấn B; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2024/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 357, 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Anh T đối với anh Vuur Tấn B.

Buộc anh Vuur Tấn B trả cho Chị Trần Anh T số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/5/2023 đến ngày 12/8/2024 là 48.804.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Vuur Tấn B đối với chị Trần Huỳnh N về việc yêu cầu chị N trả số tiền gốc là 457.350.000 đồng, lãi là 56.054.340 đồng.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của anh Vuur Tấn B yêu cầu chị Trần Huỳnh N trả số tiền nợ gốc 28.500.000 đồng và tiền lãi từ ngày từ ngày 19/5/2023 đến ngày xét xử (12/8/2024) với mức lãi suất 0,83%/tháng.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

Buộc anh Vuur Tấn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền phải trả cho Chị Trần Anh T là 21.952.160 đồng.

Buộc anh Vuur Tấn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 24.536.174 đồng. Anh Vuur Tấn B đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 12.146.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002076 ngày 25/10/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

Chị Trần Anh T không phải chịu án phí, chị T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 10.358.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008984 ngày 31/8/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

5.2. Án phí phúc thẩm: Anh Vuur Tấn B phải chịu 300.000 đồng; anh B đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003033 ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố Bạc Liêu;
- CCTHADS thành phố Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
đã ký

Giang Thị Cẩm Thúy